

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2017/HNGĐ-ST

Ngày 18-8-2017

“V/v tranh chấp ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Rô

2. Bà Trần Lệ Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa: bà Đỗ Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2017/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2017/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1964, địa chỉ: khóm 1, phường 2, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Võ Văn N, sinh năm 1961, địa chỉ: khóm 1, phường 2, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp đến Tòa án đề ngày 22 tháng 3 năm 2017 và cùng các lời trình bày trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn ông Võ Văn N tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1982 không có đăng ký kết hôn, có 03 con chung. Do cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nguyên nhân là do ông N thường xuyên uống rượu không chăm lo làm ăn, mỗi lần uống rượu về xảy ra cự cãi, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng nên ông, bà không còn sống chung 09 năm nay. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Phía bị đơn ông Võ Văn N đã được Tòa án

thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Theo biên bản xác minh ngày 13 và ngày 14/4/2017 thì quan hệ hôn nhân mâu thuẫn giữa nguyên đơn Bà T và bị đơn ông N thường xuyên xảy ra cự cãi, Bà T đã ly thân ông N và đến sống tại quây chợ phường 2, thị xã Duyên Hải thời gian 09 năm nay, mỗi khi ông N uống rượu vào thì đến tại quây mua bán của Bà T chửi mắng, xúc phạm xảy ra cự với bà.

Tại phiên tòa mở lần thứ hai, bà Trần Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông Võ Văn N vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà T và ông N quen nhau, có tổ chức lễ cưới và sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Bà T và ông N ly thân thời gian đã lâu mà giữa 02 người không có qua lại để tạo điều kiện hàn gắn. Xét thấy hôn nhân giữa Bà T và ông N không có đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy giữa Bà T và ông N không được công nhận là vợ chồng.

Con chung: Các con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Tài sản, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt vấn đề để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, bị đơn ông Võ Văn N có nơi cư trú khóm 1, phường 2, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy đơn khởi kiện của bà Trần Thị T có nội dung yêu cầu ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự yêu cầu của Bà T là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Võ Văn N đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ đến Tòa án tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 03/5/2017, 05/6/2017; phiên tòa xét xử vào các ngày 01/8/2017 và 18/8/2017 nhưng đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị T thấy rằng Bà T và ông N chung sống với nhau từ năm 1982 có đủ điều kiện kết hôn, không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên việc

chung sống với nhau của ông, bà không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng.

[5] Về con chung: Có 03 người con tên Võ Thị H, sinh năm 1985, Võ Văn Chiến, sinh năm 1987 và Võ Văn Thắng, sinh năm 1989 các con đều đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân. Tại phiên tòa hôm nay Bà T không yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà Trần Thị T không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[7] Về nợ chung: Bà Trần Thị T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị T và ông Võ Văn N.

2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị T không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

5. Về án phí: Buộc bà Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008720 ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Võ Văn N vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- UBND phường 2;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Trung